

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 44/2024/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí đảm bảo cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3941/TTr-STC ngày 14 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2024 và thay thế Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Tiên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Kèm theo Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc quản lý nhà nước về giá thuộc thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện pháp luật về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Những nội dung về quản lý nhà nước về giá không quy định tại Quy định này thì áp dụng theo quy định của Luật Giá, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật Giá và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, các đơn vị, địa phương; các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; người tiêu dùng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Nội dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá tại tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật; Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, phân công nhiệm vụ cho Sở Tài chính, các Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá tại địa phương theo Quy định này.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính; các Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực; Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Căn cứ nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo Quyết định này, Sở Tài chính, các Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban

nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định định mức kinh tế - kỹ thuật, đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ) trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (ngoại trừ sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng, hàng dự trữ quốc gia và các hàng hóa, dịch vụ đã có quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của các Bộ, ngành Trung ương và tại pháp luật có liên quan), Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá được quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá (sau đây gọi là Nghị định số 85/2024/NĐ-CP) và Quy định này, phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh.

b) Tiếp nhận hồ sơ kê khai giá theo phân công tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này; thẩm định phương án giá hàng hoá, dịch vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với các hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

BÌNH ỔN GIÁ, KÊ KHAI GIÁ

Điều 4. Bình ổn giá

1. Danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Luật Giá. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh danh mục hàng hoá, dịch vụ bình ổn giá (bổ sung danh mục hàng hoá vào Danh mục hàng hoá, dịch vụ bình ổn giá; đưa hàng hoá, dịch vụ ra khỏi Danh mục hàng hoá, dịch vụ bình ổn giá); đơn vị đề xuất điều chỉnh Danh mục (Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở, ngành quản lý ngành lĩnh vực...) thực hiện tổng kết, đánh giá tình hình cung cầu, diễn biến giá cả thị trường và thực trạng biện pháp quản lý giá hàng hoá, dịch vụ cần điều chỉnh; đánh giá tác động, sự cần thiết của chính sách bổ sung hoặc dự kiến biện pháp quản lý thay thế, lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến của Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trước khi báo cáo Bộ Tài chính.

2. Việc thực hiện công tác bình ổn giá trong trường hợp mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá biến động bất thường gây tác động lớn đến kinh tế - xã hội, sản xuất, kinh doanh, đời sống người dân theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Luật Giá.

a) Căn cứ chủ trương bình ổn giá của Chính phủ, văn bản hướng dẫn của Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Sở Tài chính tham mưu, giúp cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức triển công tác bình ổn giá, điều hành giá trên địa bàn tỉnh; các Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện một hoặc một số phương thức như: kiểm tra yếu tố hình thành giá hoặc yêu cầu doanh nghiệp báo cáo một số yếu tố hình thành giá; kiểm soát hàng hóa tồn kho; đánh giá cung cầu hàng hóa, dịch vụ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện để Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản gửi Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì triển khai xác định nguyên nhân, làm cơ sở cho việc lựa chọn áp dụng biện pháp, thời hạn và phạm vi bình ổn giá phù hợp.

b) Căn cứ quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp bình ổn giá và thời hạn, phạm vi áp dụng bình ổn giá của Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện biện pháp bình ổn giá trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện để Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì triển khai.

3. Việc thực hiện công tác bình ổn giá khi cơ quan có thẩm quyền ban bố tình trạng khẩn cấp, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh và mặt bằng giá thị trường hàng hóa, dịch vụ có biến động bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 của Luật Giá.

a) Sở Tài chính; Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá đối với các hàng hoá, dịch vụ bình ổn giá trên phạm vi cả nước theo quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

b) Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn; có văn bản gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá đối với các mặt hàng cần

bình ổn giá tại phạm vi địa phương. Căn cứ chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện (thông qua Sở Tài chính) để Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ, Bộ Tài chính theo quy định.

c) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền ban bố tình trạng khẩn cấp và có quy định khác về việc thực hiện bình ổn giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm chấp hành biện pháp bình ổn giá được công bố và thực hiện kê khai lần đầu, kê khai lại giá với sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định; chủ động triển khai thực hiện chủ trương, biện pháp bình ổn giá, bình ổn thị trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Điều 5. Kê khai giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Giá và Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện kê khai giá (bổ sung danh mục hàng hoá vào Danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện kê khai giá; đưa hàng hoá, dịch vụ ra khỏi Danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện kê khai giá); đơn vị đề xuất điều chỉnh Danh mục (Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở, ngành quản lý ngành lĩnh vực...) thực hiện tổng kết, đánh giá tình hình cung cầu, diễn biến giá cả thị trường và thực trạng biện pháp quản lý giá hàng hoá, dịch vụ cần điều chỉnh; đánh giá tác động, sự cần thiết của chính sách bổ sung hoặc dự kiến biện pháp quản lý thay thế, lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến của Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trước khi báo cáo Bộ Tài chính.

2. Đối với hàng hoá, dịch vụ đặc thù thuộc danh mục thực hiện kê khai giá tại địa phương, chưa được các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hoá, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo phân công tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Các tổ chức kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

4. Đối tượng thực hiện kê khai giá là tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách kê khai giá của các Bộ, cơ quan ngang bộ. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng kê khai giá có trách nhiệm kê khai giá trên phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Thái Nguyên và chịu trách nhiệm về mức giá, nội dung kê khai.

Riêng đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh: Sở Y tế tiếp nhận kê khai giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh (ngoài các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kê khai giá tại Bộ Y tế) và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý.

5. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hoá, dịch vụ theo phân công tại Phụ lục I kèm theo Quy định này. Định kỳ hàng năm (chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau), cơ quan tiếp nhận kê khai giá rà soát, tổng hợp danh sách các đơn vị kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận gửi Sở Tài chính. Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh trước ngày 15 tháng 02 hằng năm.

Trường hợp trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát Danh sách kê khai giá bổ sung gửi Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh sách bổ sung. Trường hợp đến hạn rà soát định kỳ hàng năm mà không phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì Ủy ban nhân dân tỉnh không cần ban hành Danh sách kê khai giá mới.

6. Các cơ quan, đơn vị địa phương tiếp nhận kê khai giá ưu tiên thực hiện tiếp nhận thông tin kê khai giá trên môi trường mạng qua phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Thái Nguyên. Trường hợp gặp sự cố không thực hiện được qua môi trường mạng thì thực hiện tiếp nhận theo các hình thức khác quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP; thực hiện tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá theo quy định, cập nhật và duyệt văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ do tổ chức kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phần

mềm cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Thái Nguyên theo thẩm quyền được phân công tại Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Dữ liệu về kê khai giá tại địa phương được kết nối, cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

Điều 6. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

Các Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực; Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ các trường hợp thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá hàng hoá, dịch vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật giá có trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định tại Điều 33 Luật giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý để kịp thời rà soát, đánh giá tính hợp lý, hợp lệ của các yếu tố hình thành giá, cung cầu hàng hoá, dịch vụ nhằm nhận diện các yếu tố tác động đến giá hàng hoá, dịch vụ để xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền thực hiện các giải pháp, biện pháp quản lý, điều tiết giá cho phù hợp.

Mục 2

ĐỊNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH GIÁ

Điều 7. Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá hàng hoá, dịch vụ theo thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh. Danh mục hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị tham mưu xây dựng, thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này. Những hàng hoá, dịch vụ chưa được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh danh mục hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá, Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức, đơn vị đề nghị điều chỉnh đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trên cơ sở tiêu chí về hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Giá và các căn cứ quy định tại Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, gửi văn bản về Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực xem xét, đánh giá, đề xuất gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để lập văn bản gửi Bộ Tài chính theo quy định.

3. Đối với hàng hoá, dịch vụ chưa có quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật, Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định định này.

Điều 8. Phương pháp định giá, phương án giá, cập nhật cơ sở dữ liệu về giá

1. Phương pháp định giá: Thực hiện theo các văn bản quy định về phương pháp định giá của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của các Bộ, cơ quan và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá.

2. Lập, thẩm định phương án giá

a) Sở Tài chính, các Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực; Ủy ban nhân dân cấp huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn tổ chức, đơn vị lập phương án giá theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và thực hiện thẩm định phương án giá theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định phương án giá: Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực theo phân công tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này bằng văn bản trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm nghiên cứu cho ý bằng văn bản về phương án giá do Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định để Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá theo quy định.

c) Đối với hàng hoá dịch vụ do hai cấp định giá (Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá khung, giá tối đa, tối thiểu; Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực; Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức kinh doanh hàng hoá dịch vụ định giá cụ thể):

c1) Cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định giá cụ thể xin ý kiến Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực bằng văn bản trước khi phê duyệt kết quả thẩm định phương án giá cụ thể, gửi 01 bản chính hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực). Cơ quan, tổ chức, đơn vị định giá cụ thể chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định phương án giá bảo đảm nguyên tắc, căn cứ, phương pháp

định giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan có thẩm quyền định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu trong trường hợp có yêu cầu.

c2) Trường hợp các yếu tố hình thành giá hoặc giá thị trường có biến động làm giá cụ thể tăng cao hơn hoặc giảm thấp so với khung giá, cao hơn giá tối đa, thấp hơn giá tối thiểu do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thì Cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định giá cụ thể báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để điều chỉnh khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu của hàng hoá. Trình tự thủ tục điều chỉnh giá thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy định này và quy định của pháp luật có liên quan.

d) Đối với trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá chung cho tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện: Việc lựa chọn đơn vị lập phương án giá thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP; việc thẩm định phương án giá do Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện.

Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quy định khung giá hoặc giá tối đa, giá tối thiểu để Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định giá cụ thể thì Sở quản lý ngành, lĩnh vực có quyền thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giá khi có tối thiểu 2/3 số lượng Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ đề nghị.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định giá cụ thể (trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu) hoặc cơ quan được giao thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá hàng hoá, dịch vụ (trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá cụ thể) có trách nhiệm cập nhật giá hàng hoá, dịch vụ vào cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Thái Nguyên ngay sau khi quyết định, văn bản định giá được ban hành.

Điều 9. Điều chỉnh giá hàng hoá, dịch vụ do nhà nước định giá

1. Khi các yếu tố hình thành giá hoặc giá thị trường trong nước hoặc giá thị trường thế giới có biến động và ảnh hưởng mức giá hàng hoá, dịch vụ thì tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm lập phương án giá và gửi cơ quan có thẩm quyền định giá để xem xét, thực hiện điều chỉnh giá, trong đó phân tích cụ thể các yếu tố ảnh hưởng đến mức giá. Khi đề nghị điều chỉnh giá, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá phải gửi phương án giá kèm theo các hồ sơ, tài liệu như quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 9 của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá.

Trường hợp chỉ có một hoặc một số tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đề nghị điều chỉnh giá, cơ quan có thẩm quyền định giá có quyền lựa chọn

và yêu cầu các tổ chức, cá nhân khác cũng kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đó báo cáo đánh giá chi tiết yếu tố hình thành giá hoặc gửi các hồ sơ, tài liệu khác phù hợp với phương pháp định giá để phục vụ việc thẩm định phương án giá.

2. Trình tự, thủ tục thẩm định phương án giá, trình và ban hành văn bản điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện như quy định tại Điều 10, Điều 11 và Điều 12 của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

3. Trường hợp kiến nghị điều chỉnh giá không hợp lý thì cơ quan được giao thẩm định phương án giá có văn bản trả lời về việc không điều chỉnh giá cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đề nghị theo quy định.

Mục 3

TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức cá nhân có liên quan trong công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường

1. Sở Tài chính

a) Là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chế độ báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo tình hình giá cả thị trường trên địa bàn tỉnh với Bộ Tài chính theo quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí đảm bảo cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường (sau đây gọi là Thông tư số 29/2024/TT-BTC) trên cơ sở tổng hợp báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức cá nhân, kinh doanh hàng hoá dịch vụ.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng nhiệm vụ được giao triển khai công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường để nghiên cứu, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các biện pháp điều hành giá theo chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Tài chính.

2. Các Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực: Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh khi có yêu cầu, gửi báo cáo cho Sở Tài

chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính theo quy định và văn bản chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện phân công cán bộ thực hiện nhiệm vụ thu thập giá thị trường, tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường thuộc địa bàn quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh khi có yêu cầu; gửi báo cáo định kỳ về Sở Tài chính theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BTC và đột xuất theo các văn bản chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

Điều 11. Danh mục hàng hoá thực hiện thu thập thông tin và cơ quan, đơn vị thực hiện tổng hợp, phân tích, báo cáo giá thị trường

1. Các Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thu thập thông tin, tổng hợp, phân tích, báo cáo giá thị trường đối với các danh mục hàng hoá, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý và giá hàng hoá, dịch vụ khác khi có yêu cầu báo cáo đột xuất của cơ quan có thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Báo cáo giá thị trường đối với các hàng hoá, dịch vụ theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC thuộc phạm vi quản lý.

3. Các tổ chức, đơn vị, cá nhân khác được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm phối hợp và gửi báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện khi có yêu cầu.

Điều 12. Hình thức, thời gian gửi báo cáo

1. Hình thức gửi báo cáo

a) Sở Tài chính tổng hợp báo cáo của các Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện để xây dựng báo cáo giá cả thị trường của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các hàng hoá dịch vụ theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC báo cáo Bộ Tài chính theo hình thức quy định tại Điều 9 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện gửi báo cáo giá thị trường định kỳ hàng tháng cho Sở Tài chính trên phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Thái Nguyên, mục “Báo cáo giá thị trường”.

c) Các sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực gửi báo cáo cho Sở Tài chính theo đường văn bản hành chính điện tử (hệ thống quản lý và điều hành văn bản điện tử)

hoặc phương thức khác trường hợp báo cáo đột xuất hoặc báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

d) Các tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Quy định này thực hiện gửi báo cáo theo đường văn bản hành chính, điện tử (hệ thống quản lý và điều hành văn bản điện tử); trường hợp chưa có điều kiện gửi theo đường văn bản hành chính, điện tử thì thực hiện gửi văn bản giấy qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi trực tiếp tại các cơ quan tiếp nhận.

2. Thời gian chốt số liệu và gửi báo cáo giá thị trường

Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thu thập số liệu, chốt số liệu và lập báo cáo giá thị trường tháng, 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC (mẫu báo cáo theo Phụ lục IV, danh mục hàng hoá báo cáo theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC).

Thời gian gửi báo cáo về Sở Tài chính trước ngày 02 tháng tiếp theo liền kề với tháng báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 03 tháng đầu tiên của quý liền kề đang thực hiện báo cáo đối với báo cáo 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm và báo cáo đột xuất theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

3. Sở Tài chính xây dựng báo cáo giá thị trường tỉnh Thái Nguyên theo định kỳ tháng, 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm gửi Bộ Tài chính trước ngày 03 tháng tiếp theo đối với báo cáo tháng; trước ngày 05 tháng đầu tiên của quý liền kề đang thực hiện báo cáo đối với báo cáo 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm và thực hiện báo cáo đột xuất theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh.

CHƯƠNG III

THANH TRA, KIỂM TRA VỀ GIÁ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Thanh tra, kiểm tra về giá

1. Sở Tài chính, các Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác thanh tra về giá; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá đối với các hàng hoá, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công theo quy định của pháp luật về giá và quy định của pháp luật có liên quan; tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đoàn kiểm tra thuộc thẩm quyền quản lý; giải quyết khó khăn, vướng mắc, xử lý kịp thời kiến nghị theo thẩm quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (đồng thời gửi Sở Tài chính) kết quả thanh tra, kiểm tra.

2. Trình tự, thủ tục thanh tra thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra. Trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá thực hiện theo quy định của Luật Giá; Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

3. Đối tượng thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm thực hiện yêu cầu, kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý kiểm tra của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân công thẩm định phương án giá tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này thực hiện rà soát, đánh giá về mức giá hiện hành của hàng hóa, dịch vụ, trên cơ sở đó tổ chức, chỉ đạo triển khai việc xây dựng, thẩm định phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành mới theo các quy định của Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP bảo đảm đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế.

2. Sở Tài chính

a) Tổ chức triển khai quy định này đến các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định về giá mới theo Luật Giá năm 2023 và quy định này trên cơ sở đề nghị của Sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá các loại hàng hoá, dịch vụ do Sở Tài chính tham mưu ban hành trước đây theo quy định của Luật Giá năm 2012.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại quy định có quy định sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để nghiên cứu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung./.

Phụ lục I**THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ VÀ CƠ QUAN THAM MƯU
QUY ĐỊNH ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ,
DỊCH VỤ ĐẶC THÙ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN***(Kèm theo Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh)*

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ | Cơ quan tiếp nhận kê khai giá |
|-----------|---|---|--|
| A | Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh | | |
| I | Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá | | |
| 1 | Xăng, dầu thành phẩm | | Sở Công Thương |
| 2 | Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) | | Sở Công Thương |
| 3 | Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi | | Sở Y tế |
| 4 | Thóc tẻ, gạo tẻ | | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 5 | Phân đạm; phân DAP; phân NPK | | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 6 | Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản | | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 7 | Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm | | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 8 | Thuốc bảo vệ thực vật | | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 9 | Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | | Sở Y tế |
| II | Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định giá cụ thể bán cho người tiêu dùng | | Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, UBND cấp huyện được giao thẩm định phương án giá theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo quyết định này tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo thẩm quyền quản lý |

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ | Cơ quan tiếp nhận kê khai giá |
|------------|--|---|--|
| | | | ngành, lĩnh vực |
| III | <i>Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành</i> | | |
| 1 | Xi măng | | Sở Xây dựng |
| 2 | Nhà ở, nhà chung cư | | Sở Xây dựng |
| 3 | Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê) | | Sở Xây dựng đối với tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý; UBND cấp huyện đối với tổ chức, đơn vị thuộc huyện quản lý |
| 4 | Thép xây dựng | | Sở Công Thương |
| 5 | Than | | Sở Công Thương |
| 6 | Etanol nhiên liệu không biến tính | | Sở Công Thương đối với tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý; UBND cấp huyện đối với tổ chức, đơn vị thuộc huyện quản lý |
| 7 | Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG) | | Sở Công Thương đối với tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý; UBND cấp huyện đối với tổ chức, đơn vị thuộc huyện quản lý |
| 8 | Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản | | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với đối với tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý; UBND cấp huyện đối với tổ chức, đơn vị thuộc huyện quản lý |
| 9 | Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện | | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với đối với tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý; UBND cấp huyện đối với tổ chức, đơn vị thuộc huyện quản lý. |

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ | Cơ quan tiếp nhận kê khai giá |
|----------|---|---|--|
| 10 | Muối ăn | | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 11 | Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm | | Sở Giao thông vận tải |
| 12 | Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ | | Sở Giao thông vận tải |
| 13 | Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi | | Sở Y tế đối với đối với tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý; UBND cấp huyện đối với tổ chức, đơn vị thuộc huyện quản lý |
| 14 | Thiết bị y tế | | Sở Y tế đối với tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý; UBND cấp huyện đối với tổ chức, đơn vị thuộc huyện quản lý |
| 15 | Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước | | Sở Y tế |
| 16 | Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân | | Sở Y tế |
| B | Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương (áp dụng linh hoạt nếu cần thiết): Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ yêu cầu, mục tiêu quản lý, tình hình thực tế tại địa phương để lựa chọn tiếp nhận kê khai giá trong số danh mục những hàng hóa dịch vụ sau: | | |
| 1 | Dịch vụ lưu trú | Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch |
| 2 | Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn | Sở Giao thông vận tải | Sở Giao thông vận tải đối với tổ chức, đơn vị thuộc |

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ | Cơ quan tiếp nhận kê khai giá |
|-----|---|---|---|
| | vốn ngoài ngân sách nhà nước | | tỉnh quản lý; UBND cấp huyện đối với tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý |
| 3 | Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn | Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đối với tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý; UBND cấp huyện đối với tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý |
| 4 | Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi | Sở Giao thông vận tải | Sở Giao thông vận tải |
| 5 | Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch | Sở Giao thông vận tải | Sở Giao thông vận tải |
| 6 | Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa | Sở Giao thông vận tải | Sở Giao thông vận tải |
| 7 | Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước) | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng đối với đối với tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý; UBND cấp huyện đối với tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý |
| 8 | Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý; UBND cấp huyện đối với tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý |
| 9 | Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá | Sở Công Thương | Sở Công Thương đối với tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý; UBND cấp huyện đối với tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý |
| 10 | Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng (nếu có) | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Tài nguyên và Môi trường |

Phụ lục II
CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THAM MƯU XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH,
TRÌNH PHƯƠNG ÁN GIÁ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ THUỘC THẨM
QUYỀN QUYẾT ĐỊNH GIÁ CỦA UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
(Kèm theo Quyết định số 44 /2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh)

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Cơ quan chủ trì tham mưu lập, thẩm định, trình | Thẩm quyền, hình thức định giá |
|-----|--|--|--|
| 1 | “Điện (bán lẻ, bán buôn); các dịch vụ về điện theo quy định của Luật Điện lực bao gồm: dịch vụ phát điện, dịch vụ truyền tải điện, dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, dịch vụ điều độ vận hành hệ thống điện, dịch vụ điều hành giao dịch thị trường điện lực, dịch vụ phân phối điện” | Sở Công Thương chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh | Thực hiện theo quy định của pháp luật về điện lực |
| 2 | Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh do địa phương quản lý | - Đơn vị, tổ chức được giao quản lý, khai thác lập phương án giá trình Sở Giao thông vận tải - Sở Giao thông vận tải thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định giá tối đa | - Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá tối đa. - Căn cứ giá tối đa do UBND tỉnh quyết định: + Sở Giao thông vận tải quyết định giá cụ thể đối với Dự án, công trình thuộc tỉnh quản lý sử dụng vốn ngân sách nhà nước. + UBND cấp huyện quyết định giá cụ thể đối với Dự án, công trình thuộc cấp huyện quản lý sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện. + Chủ đầu tư dự án quyết định giá cụ thể đối với Dự án, công trình sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước. |
| 3 | Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà | - UBND cấp huyện lập phương án giá trình Sở | - Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khung giá |

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Cơ quan chủ trì tham mưu lập, thẩm định, trình | Thẩm quyền, hình thức định giá |
|-----|--|---|--|
| | nước do địa phương quản lý | Giao thông vận tải - Sở Giao thông vận tải thẩm định và trình UBND tỉnh quyết định khung giá | - Căn cứ khung giá do UBND tỉnh quyết định: + Sở Giao thông vận tải quyết định giá cụ thể đối với Dự án, công trình thuộc tỉnh quản lý. + UBND cấp huyện quyết định giá cụ thể đối với Dự án, công trình thuộc cấp huyện quản lý trên địa bàn huyện. |
| 4 | Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước do địa phương quản lý | - Đơn vị, tổ chức được giao quản lý, khai thác lập phương án giá, trình Sở Giao thông vận tải - Sở Giao thông vận tải thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định giá tối đa | - Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá tối đa - Chủ đầu tư dự án công trình quyết định giá cụ thể trên cơ sở giá tối đa do UBND tỉnh quy định. |
| 5 | Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý | - UBND cấp huyện lập phương án giá, trình Sở Giao thông vận tải - Sở Giao thông vận tải thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định giá tối đa | - UBND tỉnh quyết định giá tối đa - Căn cứ giá tối đa do UBND tỉnh quyết định: + Sở Giao thông vận tải quyết định giá cụ thể đối với Dự án, công trình thuộc tỉnh quản lý. + UBND cấp huyện quyết định giá cụ thể đối với Dự án, công trình thuộc cấp huyện quản lý trên địa bàn huyện. |

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Cơ quan chủ trì tham mưu lập, thẩm định, trình | Thẩm quyền, hình thức định giá |
|-----|---|---|---|
| 6 | Tiền Bản quyền khi khai thác, sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ | Sở, ngành quản lý ngành lĩnh vực đối với hàng hoá, dịch vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh | Thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ |
| | Tiền đền bù đối với quyền sử dụng sáng chế được chuyển giao theo quyết định bắt buộc của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp người được chuyển giao quyền sử dụng sáng chế và người nắm độc quyền sử dụng sáng chế không thỏa thuận được | | |
| | Tiền đền bù đối với quyền sử dụng giống cây trồng được chuyển giao theo quyết định bắt buộc của cơ quan có thẩm quyền | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh | |
| 7 | Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương | <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, đơn vị được giao quản lý khai thác công trình thủy lợi lập phương án giá, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định. | Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá cụ thể |
| 8 | Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi | - Tổ chức, đơn vị được giao quản lý khai thác | Ủy ban nhân dân tỉnh |

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Cơ quan chủ trì tham mưu lập, thẩm định, trình | Thẩm quyền, hình thức định giá |
|-----|---|---|--|
| | sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương | công trình thủy lợi lập phương án giá, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định. | quyết định giá cụ thể |
| 9 | Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương | - Tổ chức, đơn vị sản xuất, kinh doanh, cung ứng sản phẩm, dịch vụ lập phương án giá trình Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực. - Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định | Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá cụ thể |
| 10 | Nước sạch | - Đối với nước sạch khu vực đô thị, khu công nghiệp: + Đơn vị cấp nước sạch lập phương án giá trình Sở Xây dựng. + Sở Xây dựng thẩm định trình UBND tỉnh quyết định. - Đối với nước sạch khu vực nông thôn + Đơn vị cấp nước sạch lập phương án giá trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. + Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá cụ thể trên cơ sở khung giá do Bộ Tài chính ban hành |

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Cơ quan chủ trì tham mưu lập, thẩm định, trình | Thẩm quyền, hình thức định giá |
|-----|--|--|--|
| | | thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định. | |
| 11 | Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh. | Sở Y tế chủ trì tham mưu | Thực hiện theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh |
| 12 | Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập | - Đơn vị, tổ chức cung cấp dịch vụ lập phương án giá, trình Sở Y tế. - Sở Y tế thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định. | Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá cụ thể |
| 13 | Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập | - Đơn vị điều trị lập phương án giá, trình Sở Y tế. - Sở Y tế thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định. | Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá cụ thể |
| 14 | Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục | Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh | Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục |
| 15 | Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học | Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh | Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học |

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Cơ quan chủ trì tham mưu lập, thẩm định, trình | Thẩm quyền, hình thức định giá |
|-----|--|---|--|
| 16 | Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp | Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh | Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp |
| 17 | <p>Nhà ở công vụ</p> <p>Nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở</p> <p>Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư đối với nhà chung cư thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn</p> <p>Nhà ở, dịch vụ khác thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của Luật Nhà ở</p> | Sở Xây dựng chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh | Thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở |
| 18 | Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ | <p>- Đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước lập phương án giá trình Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực.</p> <p>- Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định.</p> | Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ đối với dịch vụ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh |
| 19 | Đất thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về đất đai | Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh các nội dung liên quan. | Thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai |

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Cơ quan chủ trì tham mưu lập, thẩm định, trình | Thẩm quyền, hình thức định giá |
|-----|---|---|--|
| 20 | Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương | <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, đơn vị quản lý, khai thác rừng lập phương án giá gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định khung giá | <ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khung giá. - Tổ chức, đơn vị quản lý, khai thác rừng quyết định giá cụ thể trên cơ sở khung giá do UBND tỉnh quyết định |
| 21 | Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị, tổ chức cung cấp dịch vụ lập phương án giá trình Sở Tài nguyên và Môi trường. - Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh. | Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá cụ thể |
| 22 | Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước | <ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp huyện lập phương án giá trình Sở Xây dựng. - Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định. | Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá cụ thể |
| 23 | Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô | <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ lập phương án giá gửi Sở Giao thông vận tải xin ý kiến - Sau khi có ý kiến của Sở Giao thông vận tải, hoàn thiện phương án gửi Sở Tài chính. - Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định giá tối đa | <ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá tối đa. - Tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ quyết định giá cụ thể trên cơ sở giá tối đa do UBND tỉnh quy định. |

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Cơ quan chủ trì tham mưu lập, thẩm định, trình | Thẩm quyền, hình thức định giá |
|-----|--|---|---|
| 24 | Dịch vụ vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt đô thị | <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ lập phương án giá gửi UBND cấp huyện thẩm định. - UBND cấp huyện xin ý của Sở Giao thông vận tải và hoàn thiện phương án theo ý kiến của Sở Giao thông vận tải trước khi trình UBND tỉnh quyết định. | Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá cụ thể |
| 25 | Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt lập phương án giá gửi UBND cấp huyện xem xét, tổng hợp. - UBND cấp huyện trình Sở Tài nguyên và Môi trường. - Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định. | <ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá tối đa áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quyết định giá cụ thể đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân. - Chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt quyết định giá cụ thể áp dụng đối với dịch vụ do đơn vị mình cung cấp trên cơ sở giá tối đa do UBND tỉnh quyết định (trừ các đối tượng đã được UBND tỉnh quyết định giá cụ thể) |
| 26 | Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát | - Tổ chức, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp | Ủy ban nhân dân tỉnh |

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Cơ quan chủ trì tham mưu lập, thẩm định, trình | Thẩm quyền, hình thức định giá |
|-----|---|---|---|
| | nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước) | được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải lập phương án giá trình Sở Xây dựng. - Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định. | quyết định giá cụ thể |
| 27 | Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước | - UBND cấp huyện lập phương án giá đối với các cơ sở trông giữ xe trên địa bàn trình Sở Giao thông vận tải - Sở Giao thông vận tải thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định. | Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá cụ thể |
| 28 | Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước | - Đối với công trình do tỉnh quản lý: Đơn vị, tổ chức được giao quản lý, khai thác công trình hạ tầng kỹ thuật lập phương án giá gửi Sở Xây dựng. - Đối với công trình do cấp huyện quản lý: UBND cấp huyện lập phương án giá gửi Sở Xây dựng. - Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định. | Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá cụ thể |
| 29 | Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng | - Tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ lập phương án giá gửi Sở Tư pháp. - Sở Tư pháp thẩm định, | - Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá tối đa. - Tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ quyết định giá cụ |

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Cơ quan chủ trì tham mưu lập, thẩm định, trình | Thẩm quyền, hình thức định giá |
|-----|--|---|--|
| | | trình UBND tỉnh quyết định giá tối đa. | thể |
| 30 | Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước | <ul style="list-style-type: none">- Đối với các chợ do tỉnh quản lý: Đơn vị, tổ chức được giao quản lý, khai thác chợ lập phương án giá gửi Sở Công Thương.- Đối với các chợ do cấp huyện quản lý: UBND cấp huyện lập phương án giá gửi Sở Công Thương.- Sở Công Thương thẩm định phương án giá trình UBND tỉnh quyết định. | Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá cụ thể |